

Quy định về nghĩa vụ của nhà đầu tư nước ngoài trong các hiệp định đầu tư quốc tế

Ngô Trọng Quân*, Ngô Thảo Ngân**

Nhận ngày 23 tháng 12 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 24 tháng 4 năm 2022.

Tóm tắt: Pháp luật đầu tư quốc tế thông thường chỉ đặt ra nghĩa vụ về khuyến khích và bảo hộ đầu tư cho các quốc gia ký kết, từ đó tạo ra quyền cho nhà đầu tư được hưởng những tiêu chuẩn đối xử nhất định. Tuy nhiên, thực tiễn hoạt động đầu tư nước ngoài cho thấy những tác động tiêu cực phát sinh từ hành vi của nhà đầu tư đối với kinh tế, xã hội, và môi trường của quốc gia sở tại. Một trong những giải pháp gần đây được nhiều quốc gia áp dụng là cải cách hệ thống các hiệp định đầu tư quốc tế theo hướng cân bằng quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư ở nhiều mức độ khác nhau. Bài viết này phân tích các kiểu quy định về nghĩa vụ của nhà đầu tư trong hiệp định đầu tư quốc tế, ý nghĩa pháp lý và đưa ra một số gợi mở cho Việt Nam trong ký kết và thực thi những điều khoản này.

Từ khóa: Nghĩa vụ của nhà đầu tư, hiệp định đầu tư quốc tế, thực thi.

Phân loại ngành: Luật học

Abstract: International investment law traditionally imposes obligations of investment promotion and protection for host states, thereby creating rights for investors to enjoy certain standards of treatment. However, foreign investment practice reveals the negative impacts of investor conduct on the economy, society, and environment of host states. An initiative adopted recently by some states is reforming their system of investment treaties to balance rights and obligations of investors in varying degrees. This article analyzes different formulations of investor obligations in investment treaties, legal implications and provides some suggestions for Vietnam in negotiation and enforcement of such clauses.

Keywords: Investor obligations, investment treaties, enforcement.

Subject classification: Jurisprudence

* Trường Đại học Luật Hà Nội.

Email: ngotrongquan@hlu.edu.vn

** Viện châu Âu, Đại học Saarland (Cộng hòa Liên bang Đức).

Email: ngng00001@stud.uni-saarland.de

1. Đặt vấn đề

Luật đầu tư quốc tế không chỉ bảo vệ quyền của nhà đầu tư nước ngoài mà còn cho phép các quốc gia đưa ra các biện pháp hạn chế quyền nếu hành vi của nhà đầu tư xung đột với lợi ích công cộng. Tuy nhiên, các hiệp định đầu tư quốc tế (IIA) với tư cách là khung pháp lý phổ biến nhất cho việc quản trị các hoạt động đầu tư xuyên quốc gia lại chỉ quy định về các quyền thực chất cho nhà đầu tư mà hầu như không kèm theo nghĩa vụ nào.

Việc không quy định nghĩa vụ cho nhà đầu tư trong IIA ngay từ những ngày đầu bắt nguồn từ một số lý do. *Thứ nhất*, luật đầu tư quốc tế có nguồn gốc từ việc mở rộng bảo hộ ngoại giao đối với tài sản của người nước ngoài và hạn chế việc đối xử không công bằng đối với các nhà đầu tư (M. Sornarajah, 2017, tr.18). *Thứ hai*, các nước đang phát triển muốn tăng trưởng kinh tế của họ thường chấp nhận các điều kiện bảo vệ nhà đầu tư và bỏ qua sự mất cân bằng về quyền và nghĩa vụ giữa các bên để thu hút vốn (Sauvant Karl P., Sachs Lisa E., 2009, tr.15). *Thứ ba*, xu hướng quy định nghĩa vụ cho nhà đầu tư là một xu hướng đối lập với việc tạo điều kiện thuận lợi bảo vệ nhà đầu tư, tự do dịch chuyển vốn và lợi nhuận.

Ở thời điểm hiện tại, nhiều tổ chức đã kêu gọi về việc tái cân bằng luật đầu tư quốc tế thông qua áp đặt nghĩa vụ đối với các nhà đầu tư. Các tổ chức quốc tế như Hội nghị Liên Hợp Quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD), Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), Viện Quốc tế về Phát triển Bền vững (IISD) đã có nhiều nghiên cứu về nghĩa vụ của nhà đầu tư và lộ trình quy định nghĩa vụ nhằm cân bằng với lợi ích của nhà nước (UNCTAD, 2015; OECD, 2020; IISD, 2018). Ý tưởng quy định các quyền và nghĩa vụ một cách tương ứng của các nhà đầu tư trong các hiệp định đầu tư đã bắt đầu được các quốc gia quan tâm và triển khai. Bài viết này phân tích một số cách tiếp cận điển hình trên thế giới trong việc thiết kế các điều khoản nhằm quy định nghĩa vụ của nhà đầu tư nước ngoài trong khuôn khổ hiệp định đầu tư quốc tế, từ đó rút ra một số nhận xét về ý nghĩa pháp lý và kiến nghị cho Việt Nam.

2. Lý do cần quy định nghĩa vụ của nhà đầu tư nước ngoài trong hiệp định đầu tư quốc tế

Việc quy định nghĩa vụ của nhà đầu tư trong các IIA là tín hiệu quan trọng cho thấy mối quan tâm của các quốc gia hiện nay đã không còn đặt việc bảo vệ đầu tư vượt lên trên tất cả các mục tiêu xã hội khác. Có thể nhận thấy một số lý do sau khiến các quốc gia thay đổi trong cách xây dựng luật đầu tư quốc tế và bắt đầu cân nhắc việc quy định nghĩa vụ của nhà đầu tư nước ngoài.

Thứ nhất, mục đích của đầu tư nước ngoài không chỉ là thu lợi nhuận về cho chủ đầu tư mà còn nhằm cải thiện điều kiện sống, mang lại lợi ích chung cho nước tiếp nhận đầu tư. Tuy nhiên, thời gian vừa qua đã có minh chứng cho thấy một số hành vi của nhà đầu tư đã góp phần gây hại cho môi trường và không tuân thủ các chuẩn mực nhân quyền quốc tế (Jorgenson, A. K., 2016, tr.345). Thực tiễn của hoạt động đầu tư nước ngoài đã làm phát sinh

nhu cầu ngăn chặn hành vi sai trái của nhà đầu tư. Có rất nhiều ví dụ về hành vi sai trái từ nhà đầu tư như: thảm họa Bhopal tại Ấn Độ khiến hàng chục nghìn người tử vong và hậu quả còn lưu lại suốt 25 năm sau (M.J. Peterson, 2009); vụ vụ rò rỉ khí độc tại nhà máy LG Polymers (PTI, 2020); vi phạm quyền của người bản địa Hoa Kỳ (UNCITRAL Ad Hoc Tribunal, 2009; ICSID Case No. ARB/14/21, 2017). Đối với Việt Nam, các vụ việc gây ô nhiễm môi trường của nhà đầu tư nước ngoài có thể kể đến như Công ty Vedan xả thải ra sông Thị Vải, hay Tập đoàn Formosa làm ô nhiễm nguồn nước biển (Tran Viet Dung, Ngo Nguyen Thao Vy, 2017). Vì vậy, nhiều nỗ lực đã được thực hiện để đưa nghĩa vụ của nhà đầu tư vào IIA trong thời gian vừa qua.

Thứ hai, vấn đề kêu gọi đầu tư hiện không còn là ưu tiên số một. Các hành động gần đây của các quốc gia và tổ chức quốc tế là bằng chứng rõ ràng nhất về nỗ lực xác định nghĩa vụ của các nhà đầu tư nước ngoài thay vì tiếp tục kêu gọi đầu tư nhưng đi ngược lại với lợi ích công cộng (UNCTAD, 2015; OECD, 2020; IISD, 2018). Một mặt, các quốc gia hiện nay đề cao chất lượng đầu tư hơn so với số lượng hiệp định đầu tư. Số lượng hiệp định đầu tư đã ký kết được chấm dứt đang tăng lên, các hiệp định đầu tư truyền thống được đàm phán lại và thay thế bằng các thỏa thuận đầu tư thế hệ mới chính là minh chứng cho điều này (IISD, 2020). Ngược lại với xu hướng gia tăng số lượng IIA từ cuối năm 1990, ngày nay xu hướng ký kết được định hướng phù hợp với điều kiện xã hội hơn, các hiệp định ít hơn nhưng chất lượng cao hơn (Kenneth J. Vandavelde, 2005, tr.177). Mặt khác, xu hướng đầu tư quốc tế đã và đang chuyển dịch theo hướng phát triển bền vững, về hoạch định chính sách đầu tư cả nội địa và nước ngoài.

Thứ ba, các quốc gia đang chịu áp lực từ các bên thứ ba, ví dụ như các cá nhân hoặc cộng đồng tại chỗ, do những ảnh hưởng mà họ phải chịu từ hành vi của nhà đầu tư nước ngoài. Hiện nay, khi các mục tiêu và yêu cầu phát triển bền vững được các quốc gia thúc đẩy thực hiện, các quy định cụ thể về xã hội và môi trường từ phía doanh nghiệp nhằm bảo đảm lợi ích công cộng chính là điều mà cộng đồng dân cư ở nước sở tại mong muốn.

3. Cách thức quy định nghĩa vụ của nhà đầu tư nước ngoài trong hiệp định đầu tư quốc tế

3.1. Quy định nghĩa vụ gián tiếp

Các điều khoản quy định nghĩa vụ một cách gián tiếp thường chỉ cung cấp định hướng chung cho hành vi của nhà đầu tư khi tham gia vào thị trường nước chủ nhà. Loại điều khoản này thường hướng đến nghĩa vụ của nước ký kết và từ đó gián tiếp điều chỉnh hành vi của các nhà đầu tư (Sattorova, M., 2019, tr.24-25). Các điều khoản này có thể thuộc hai dạng: *thứ nhất*, quy định ngoại lệ để mở rộng các lựa chọn chính sách công cộng cho các quốc gia chủ nhà mà không vi phạm cam kết bảo hộ đầu tư nếu hành vi đầu tư gây phương hại đến các giá trị cộng đồng; và *thứ hai*, yêu cầu các nước thành viên khuyến khích doanh nghiệp hoạt động trên lãnh thổ của mình áp dụng các tiêu chuẩn về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR).

Đối với kiểu quy định thứ nhất, các quốc gia ký kết có thể nhấn mạnh rõ ràng quyền tự chủ của quốc gia chủ nhà để giải quyết các vấn đề liên quan đến lợi ích công cộng như là một phương thức làm cân bằng quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư. Các điều khoản về biện pháp không bị loại trừ trong IIA thường bắt đầu bằng các từ như “không có gì trong thỏa thuận này ngăn cản các quốc gia ký kết” và cung cấp khung pháp lý cho các nước chủ nhà để đối phó với các mối đe dọa từ khoản đầu tư đối với lợi ích công cộng (Andrew Newcombe, 2011, tr.355). Các quy định này mang lại sự linh hoạt cho các quốc gia, đảm bảo ưu tiên cho các mục tiêu xã hội, hơn là bảo vệ đầu tư trong một số trường hợp nhất định mà không phải chịu trách nhiệm pháp lý theo luật pháp quốc tế (Julien Chaisse, Ishikawa Tomoko, Jusoh Sufian, 2017, tr.59). Tuy nhiên, các điều khoản này không quy định trước nghĩa vụ hành xử của nhà đầu tư nước ngoài. Mục đích chung của các điều khoản đó là củng cố và mở rộng không gian chính sách của các bên ký kết và hỗ trợ các nước chủ nhà về khả năng áp đặt nghĩa vụ trong luật nội địa để bảo vệ lợi ích công cộng.

Ví dụ, Phụ lục 10-B Chương Đầu tư của Hiệp định Thương mại Tự do Oman - Hoa Kỳ (OFTA) quy định: “Ngoại trừ một số trường hợp nhất định, các quy định không phân biệt đối xử của một Bên được thiết kế và áp dụng để bảo vệ các mục tiêu phúc lợi công cộng hợp pháp, như sức khỏe cộng đồng, an toàn và môi trường không cấu thành tước đoạt tài sản gián tiếp”. Một ví dụ khác là Điều 2.2.1 của Hiệp định Bảo hộ Đầu tư Liên minh châu Âu - Việt Nam (EVIPA), theo đó: “Các bên tái khẳng định quyền điều chỉnh trong lãnh thổ của mình để đạt được các mục tiêu chính sách chính đáng, ví dụ như bảo vệ sức khỏe cộng đồng, an toàn, môi trường hoặc đạo đức công cộng, bảo vệ xã hội hoặc người tiêu dùng, hoặc thúc đẩy và bảo vệ sự đa dạng văn hóa”. Tương tự, Hiệp định Đầu tư Toàn diện ASEAN (ACIA) cũng có quy định về ngoại lệ chung tại Điều 17 và ngoại lệ an ninh tại Điều 18 để bảo đảm quyền điều chỉnh chính sách của nhà nước, từ đó gián tiếp ảnh hưởng đến cách thức tiến hành hoạt động đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài. Trong trường hợp hành vi đầu tư vi phạm các giá trị công cộng như bảo vệ môi trường, y tế cộng đồng, nhà nước có quyền áp dụng bất kỳ biện pháp nào, kể cả gây thiệt hại cho nhà đầu tư, trên cơ sở không phân biệt đối xử và không tạo ra hạn chế trá hình. Như vậy, nhà đầu tư muốn được bảo hộ cần thực hiện khoản đầu tư theo cách thức hài hòa, tôn trọng các lợi ích công cộng ở nước tiếp nhận đầu tư.

Đối với kiểu quy định thứ hai, các quốc gia cam kết sẽ thúc đẩy, khuyến khích nhà đầu tư trên lãnh thổ của mình áp dụng các tiêu chuẩn về trách nhiệm xã hội (CSR). Ví dụ, Điều 16 của Hiệp định Đầu tư Song phương (BIT) giữa Canada và Benin có quy định: “Mỗi bên ký kết sẽ khuyến khích các doanh nghiệp hoạt động trên lãnh thổ của mình hoặc thuộc quyền tài phán của mình áp dụng một cách tự nguyện các tiêu chuẩn đã được quốc tế thừa nhận liên quan đến trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong hoạt động và chính sách nội bộ của họ, ví dụ như phát biểu về các nguyên tắc đã được các quốc gia ký kết công nhận và ủng hộ. Những nguyên tắc này điều chỉnh các vấn đề như lao động, môi trường, quyền con người, quan hệ cộng đồng và chống tham nhũng”.

Hiệp định Thương mại và Kinh tế Toàn diện EU - Canada (CETA) và Hiệp định Thương mại Tự do Hoa Kỳ - Mexico - Canada (USMCA) thậm chí còn dẫn chiếu đến các tiêu chuẩn CSR

trong Hướng dẫn của OECD cho Doanh nghiệp đa quốc gia (Điều 22.3 CETA, Điều 14.17 USMCA). Bản hướng dẫn này được các chính phủ soạn thảo để khuyến nghị cho các doanh nghiệp đa quốc gia áp dụng, bao gồm những vấn đề sau: công khai thông tin; nhân quyền; việc làm và quan hệ lao động; môi trường; chống hối lộ, đưa hối lộ, tống tiền; lợi ích của người tiêu dùng; khoa học và công nghệ; cạnh tranh và các vấn đề thuế (OECD, 2011).

Lời văn của những điều khoản này cho thấy chúng không tạo ra những nghĩa vụ hành xử của nhà đầu tư có thể thực thi trong cơ chế giải quyết tranh chấp. Về cơ bản, những điều khoản như thế này nhấn mạnh vào tính tự nguyện áp dụng CSR của nhà đầu tư và tất cả các quốc gia ký kết cần khuyến khích, ủng hộ. Theo Laurence Dubin, các điều khoản này có thể hữu ích trong việc giúp hội đồng trọng tài giải thích nội dung và phạm vi nghĩa vụ đối xử của nhà nước, ví dụ như giải thích một cách hạn chế nội hàm của tiêu chuẩn đối xử công bằng và thỏa đáng. Nhà đầu tư giờ đây cần hiểu rằng phạm vi kỳ vọng chính đáng của họ phải hợp lý, và các hoạt động đầu tư cần tuân thủ tiêu chuẩn CSR, hướng đến bảo vệ lợi ích công cộng của nước tiếp nhận đầu tư (Laurence Dubin, 2018).

3.2. Quy định nghĩa vụ trực tiếp

Phương pháp thứ hai để quy định nghĩa vụ của nhà đầu tư là thông qua các điều khoản trực tiếp áp đặt lên nhà đầu tư các tiêu chuẩn hành xử cần tuân thủ. Cách thức này cho đến nay chưa được áp dụng nhiều trong thực tiễn ký kết các hiệp định đầu tư mặc dù có thể mang lại hiệu quả pháp lý rõ ràng nhất (Nowrot K., Sipiowski E., 2020). Quy định nghĩa vụ trực tiếp có thể được thiết kế theo ba cách: (i) khuyến khích nhà đầu tư thực hiện trách nhiệm xã hội; (ii) yêu cầu nhà đầu tư thực hiện các nghĩa vụ cụ thể; và (iii) xây dựng khái niệm khoản đầu tư phải được thiết lập và vận hành tuân thủ pháp luật.

Thứ nhất, các hiệp định đầu tư có thể khuyến khích nhà đầu tư nỗ lực thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Cách quy định này đang dần phổ biến trong thực tiễn ký kết điều ước quốc tế về đầu tư. CSR đề cập đến các quy tắc mà các công ty đa quốc gia nên tuân theo, để hạn chế các tác động tiêu cực về môi trường và xã hội từ hoạt động kinh doanh của họ ở các quốc gia chủ nhà. Không chỉ dừng lại ở quy định chung về tuân thủ CSR, một số nước thậm chí còn đưa ra các định nghĩa và hướng dẫn chi tiết về những yếu tố cấu thành CSR và làm thế nào để đạt được CSR. Ví dụ, Điều 9.1 của Hiệp định Hợp tác và Thuận lợi hóa Đầu tư Brazil - Malawi năm 2015 quy định: “Nhà đầu tư và khoản đầu tư của họ sẽ phải nỗ lực để đạt được mức độ đóng góp cao nhất cho sự phát triển bền vững của nước tiếp nhận đầu tư và cộng đồng địa phương, thông qua áp dụng ở mức độ cao các thực hành kinh doanh có trách nhiệm, dựa trên các nguyên tắc và tiêu chuẩn tự nguyện đặt ra trong Điều này”.

Điều khoản dạng này thường xuyên xuất hiện trong các hiệp định hợp tác và thuận lợi hóa đầu tư của Brazil, thay thế cho các hiệp định đầu tư thế hệ cũ mà nước này đã ký kết nhưng không phê chuẩn. Các yếu tố nằm trong CSR được liệt kê ở Điều 9.2 bao gồm: phát triển bền vững, bảo vệ nhân quyền, nâng cao năng lực địa phương, tạo ra vốn nhân lực, quản trị doanh nghiệp tốt, xây dựng niềm tin giữa doanh nghiệp với cộng đồng địa phương, phổ biến kiến thức cho người lao động, không phân biệt đối xử giữa các nhân viên, hay tôn trọng

các hoạt động và thể chế chính trị tại địa phương. Ngoài Brazil, các quốc gia khác cũng bắt đầu đưa nghĩa vụ CSR trực tiếp đối với các nhà đầu tư vào trong một số IIA của mình như BIT Ma rốc - Nigeria 2016, BIT Argentina - Qatar 2016, và BIT mẫu của Cộng đồng Phát triển miền Nam châu Phi (SADC) 2012.

Có thể thấy, các điều khoản CSR thường đi kèm với cụm từ yêu cầu nhà đầu tư “nỗ lực”, “cố gắng” tối đa, vì vậy không phải là nghĩa vụ tạo ra kết quả, không bắt buộc và không gắn liền với các cơ chế thực thi. Các điều khoản này có xu hướng được cung cấp dưới dạng “luật mềm”, nói cách khác, mang tính khuyến khích hành động của nhà đầu tư trên cơ sở tự nguyện (European Parliament, 2020). Theo UNCTAD, dạng điều khoản nỗ lực tối đa (best-effort clause) này sẽ có giá trị pháp lý cao hơn nếu như hiệp định đầu tư hướng dẫn các hội đồng trọng tài giải quyết tranh chấp cần xem xét đến mức độ tuân thủ của nhà đầu tư với các tiêu chuẩn này (UNCTAD, 2015, tr.110).

Thứ hai, một số hiệp định bắt buộc nhà đầu tư phải tuân thủ những nghĩa vụ cụ thể. Ví dụ, Điều 11 trong BIT mẫu của Ấn Độ năm 2015, hay Điều 11 trong BIT mẫu của Cộng đồng Phát triển miền Nam châu Phi năm 2012 yêu cầu nhà đầu tư và khoản đầu tư phải tuân thủ mọi pháp luật, quy định, hướng dẫn hành chính và chính sách của nước thành viên liên quan đến việc thành lập, mua lại, quản lý, vận hành, và định đoạt khoản đầu tư. Cách quy định này mở rộng yêu cầu tuân thủ pháp luật nội địa cho toàn bộ vòng đời của dự án đầu tư. Các hiệp định này cũng nhấn mạnh yêu cầu nhà đầu tư không thực hiện các hành vi hối lộ, nếu có thì khoản đầu tư không được bảo hộ (Điều 10 SADC Model BIT 2012, Điều 13.4 Indian Model BIT 2015).

Một ví dụ điển hình khác cho cách tiếp cận này là BIT Ma rốc - Nigeria năm 2016. Hiệp định này liệt kê cụ thể nghĩa vụ của nhà đầu tư trong một số điều khoản, bao gồm các nghĩa vụ phải thực hiện đánh giá tác động môi trường và xã hội (Điều 14), không tham gia các hành vi hối lộ (Điều 17), đạt hoặc vượt các tiêu chuẩn quản trị doanh nghiệp quốc gia và quốc tế trong ngành nghề có liên quan, đặc biệt là tiêu chuẩn về minh bạch và kế toán (Điều 19). Đáng chú ý, hiệp định này còn làm rõ các nghĩa vụ của nhà đầu tư trong giai đoạn sau thành lập tại Điều 18 như sau: “(i). Dự án đầu tư [...] phải duy trì một hệ thống quản lý môi trường. Các công ty trong lĩnh vực khai thác tài nguyên và công nghiệp rủi ro cao phải duy trì hệ thống chứng nhận Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế (ISO) 14001 hoặc một tiêu chuẩn quản lý môi trường tương đương. (ii). Nhà đầu tư và khoản đầu tư phải tôn trọng quyền con người ở nước tiếp nhận đầu tư. (iii). Nhà đầu tư và khoản đầu tư phải hành động tuân theo những tiêu chuẩn lao động cơ bản như được yêu cầu trong Tuyên bố của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) về các nguyên tắc và quyền cơ bản tại nơi làm việc năm 1998. (iv). Nhà đầu tư không được vận hành khoản đầu tư theo cách thức gây ảnh hưởng đến các nghĩa vụ về môi trường, lao động và quyền con người mà nước tiếp nhận đầu tư hoặc nước chủ đầu tư là bên ký kết”.

Thứ ba, các hiệp định đầu tư quốc tế có thể yêu cầu khoản đầu tư phải được thiết lập và vận hành trong sự tuân thủ pháp luật của nước tiếp nhận đầu tư. Cách tiếp cận này thường thấy trong định nghĩa về khoản đầu tư được bảo hộ, hoặc các điều khoản loại trừ khoản đầu tư vi phạm pháp luật khỏi phạm vi giải quyết tranh chấp.

Điều khoản định nghĩa về “khoản đầu tư”

Định nghĩa về “khoản đầu tư” trong IIA là căn cứ quan trọng để xác định thẩm quyền của trọng tài giải quyết tranh chấp phát sinh từ IIA đó. Nếu nhà đầu tư vi phạm pháp luật nước tiếp nhận đầu tư trong quá trình hình thành dự án, hoặc thậm chí là triển khai dự án sau này, khoản đầu tư đó sẽ không nhận được sự bảo hộ theo hiệp định. Ví dụ, Điều 1 của BIT Cộng hòa Séc - Israel quy định rằng: “Khoản đầu tư bao gồm bất kỳ loại tài sản nào được đầu tư có liên quan đến các hoạt động kinh tế bởi một Bên ký kết trên lãnh thổ của Bên ký kết khác tuân thủ theo pháp luật và quy định của nước này”. Điều 1.2.(q) của EVIPA cũng nhấn mạnh khoản đầu tư phải được thực hiện tuân thủ pháp luật và quy định của nước tiếp nhận đầu tư. Như vậy, những sai phạm của nhà đầu tư trong quá trình hình thành dự án, ví dụ như hối lộ cơ quan nhà nước để xin cấp phép đầu tư, có thể khiến nhà đầu tư không được bảo hộ. Một số IIA quy định khoản đầu tư không chỉ được thành lập hợp pháp mà còn phải được vận hành, quản lý một cách hợp pháp, tức là yêu cầu tuân thủ pháp luật không giới hạn ở giai đoạn tiền đầu tư (Điều 1.3 BIT Ma rốc - Nigeria)¹. Thực tiễn tranh chấp đầu tư quốc tế cho thấy hội đồng trọng tài trong tranh chấp *Metaltech v. Uzbekistan* đã từ chối thẩm quyền với lý do khoản đầu tư được hình thành nhờ hối lộ quan chức chính phủ, vi phạm pháp luật nội địa của Uzbekistan và không thỏa mãn định nghĩa của khoản đầu tư được bảo hộ (ICSID Case No. ARB/10/3, Award, đoạn 372, 422; Điều 1.1 BIT Israel - Uzbekistan)².

Điều khoản loại trừ khoản đầu tư vi phạm pháp luật khỏi phạm vi giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư với nhà nước

Một số hiệp định đầu tư chỉ rõ những hành vi của nhà đầu tư làm mất quyền sử dụng cơ chế giải quyết tranh chấp bằng trọng tài quốc tế theo hiệp định. Chẳng hạn, Điều 3.27.2, Chương Giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư với nhà nước của EVIPA quy định như sau: “Nhằm giải thích rõ hơn, nguyên đơn không được nộp đơn khiếu kiện theo Mục này nếu khoản đầu tư của người này đã được thực hiện thông qua hành vi lừa đảo, che giấu, tham nhũng hoặc lạm dụng quy trình”. Hiệp định Thương mại và Kinh tế Toàn diện EU - Canada (CETA, Điều 8.18.3) và Hiệp định Đầu tư Song phương mẫu của Ấn Độ (Điều 13.4) cũng có quy định hạn chế quyền tiếp cận cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và nhà nước (ISDS) tương tự. Như vậy, trường hợp nhà đầu tư thiết lập dự án và có các hành vi sai phạm như được liệt kê thì sẽ không được hưởng sự bảo hộ theo hiệp định nữa và phải giải quyết tranh chấp bằng các phương thức khác như tòa án sở tại ở nước tiếp nhận đầu tư. Cách tiếp cận này được cho là làm sáng tỏ câu hỏi đặt ra trong trọng tài đầu tư quốc tế về việc những hành vi như tham nhũng, lừa dối là vấn đề về thẩm quyền hay nội dung trong một vụ tranh chấp. Bằng cách loại trừ những khoản đầu tư này, EVIPA hay CETA đặt ra nghĩa vụ tuân thủ pháp luật nội địa cho nhà đầu tư kèm theo chế tài nếu nghĩa vụ đó bị vi phạm (Makane Moise Mbengue, Stefanie Schacherer, 2019, tr.351).

¹ Điều 1.3 BIT Nigeria - Ma rốc quy định: “Khoản đầu tư là một doanh nghiệp trong lãnh thổ của một quốc gia, được nhà đầu tư của một quốc gia khác thành lập, mua lại, mở rộng hoặc vận hành, một cách thiện chí, tuân thủ theo pháp luật của bên nơi khoản đầu tư đó được thực hiện”.

² Điều 1.1 của BIT Israel - Uzbekistan quy định: “Thuật ngữ “khoản đầu tư” bao gồm bất kỳ loại tài sản nào, được thực hiện theo pháp luật và quy định của quốc gia ký kết nơi khoản đầu tư đó được thực hiện”.

4. Một số kiến nghị cho Việt Nam

Việt Nam đã ký kết 67 hiệp định đầu tư song phương và 27 hiệp định có cam kết về đầu tư với các nước đối tác ở nhiều khu vực khác nhau (UNCTAD, 2021). Tuy nhiên, các hiệp định đầu tư của Việt Nam về cơ bản không có nhiều quy định về nghĩa vụ cho nhà đầu tư mà chủ yếu bao gồm các điều kiện thực hiện và thành lập khoản đầu tư, bảo hộ đối với nhà đầu tư cũng như tính hợp pháp của các loại ưu đãi (World Bank, 2020, tr.9-10).

Một trong những cam kết gần đây nhất của Việt Nam về nghĩa vụ của nhà đầu tư nước ngoài là Điều 9.17 (trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp) trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), theo đó: “Các Bên khẳng định lại tầm quan trọng của việc mỗi Bên khuyến khích các doanh nghiệp hoạt động trên lãnh thổ hoặc thuộc quyền tài phán của mình tự nguyện đưa vào chính sách nội bộ những tiêu chuẩn, hướng dẫn và nguyên tắc về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp được quốc tế thừa nhận mà Bên đó đã phê chuẩn hoặc ủng hộ”. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, mô hình điều khoản này chỉ gián tiếp đưa ra nghĩa vụ cho nhà đầu tư, vì yêu cầu các nước thành viên thúc đẩy việc áp dụng, chứ không phải trực tiếp đặt ra nghĩa vụ cho nhà đầu tư, do đó mang tính khuyến nghị nhiều hơn là ràng buộc. Tương tự, Điều 2.2.1 của EVIPA nhấn mạnh vào quyền điều chỉnh chính sách công của quốc gia hơn là áp đặt trực tiếp nghĩa vụ cho nhà đầu tư, theo đó: “Các Bên tái khẳng định quyền điều chỉnh trong lãnh thổ của mình để đạt được các mục tiêu chính sách chính đáng, ví dụ như bảo vệ sức khỏe cộng đồng, an toàn, môi trường hoặc đạo đức công cộng, bảo vệ xã hội hoặc người tiêu dùng, hoặc thúc đẩy và bảo vệ sự đa dạng văn hóa”. Đây được xem như phương thức khẳng định các quyền của nhà nước tiếp nhận đầu tư trong ban hành và thực thi chính sách, pháp luật đầu tư nhằm bảo vệ lợi ích công cộng. Xu hướng ký kết hiệp định đầu tư quốc tế của Việt Nam cho thấy nước ta đã bắt đầu tiến tới các quy định mang tính khuyến khích, gián tiếp điều chỉnh hành vi của nhà đầu tư nước ngoài. Từ kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới, Việt Nam có thể tham khảo và hướng tới đàm phán và thực thi các quy định về nghĩa vụ của nhà đầu tư mang tính trực tiếp hơn trong hiệp định đầu tư quốc tế.

4.1. Ký kết các điều khoản về nghĩa vụ của nhà đầu tư

Những hành vi vi phạm pháp luật nội địa của nhà đầu tư nước ngoài tất nhiên sẽ có chế tài xử lý theo các thủ tục trong nước tiếp nhận đầu tư. Tuy nhiên, việc đưa các quy định về nghĩa vụ của nhà đầu tư vào trong hiệp định đầu tư quốc tế sẽ tăng cường các giải pháp đảm bảo sự tuân thủ, ví dụ thông qua việc từ chối bảo hộ với nhà đầu tư vi phạm pháp luật, hay cho phép quốc gia có quyền phản tố trong trường hợp phát sinh tranh chấp với nhà đầu tư (UNCTAD, 2015, tr.110).

Thứ nhất, Việt Nam nên tiếp tục đàm phán về định nghĩa “khoản đầu tư” có kèm theo yêu cầu phải được thực hiện theo pháp luật nội địa của nước tiếp nhận đầu tư, có thể cân nhắc mở rộng yêu cầu về tính hợp pháp cho cả giai đoạn vận hành khoản đầu tư. Đây là những cách tiếp cận không hoàn toàn mới với Việt Nam và đã xuất hiện trong nhiều IIA thời gian

gần đây. Về vấn đề này, Việt Nam có thể duy trì cách quy định như tại Điều 1.2.(q) của EVIPA (yêu cầu tính hợp pháp tại giai đoạn thành lập) hoặc Điều 10.1.(a) của Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) (yêu cầu tính hợp pháp ở cả giai đoạn thành lập và vận hành). Ngoài ra, Việt Nam có thể bổ sung quy định loại trừ các khoản đầu tư được thiết lập thông qua hành vi lừa đảo, che giấu, tham nhũng hoặc lạm dụng quy trình khởi quy trình giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư với nhà nước, tương tự như quy định tại Điều 3.27 của EVIPA đã phân tích ở trên. Việc quy định khái niệm “khoản đầu tư được bảo hộ” một cách chặt chẽ sẽ giúp tăng cường sự tuân thủ từ phía nhà đầu tư vì, nếu không tuân thủ, họ sẽ không nhận được sự bảo hộ từ hiệp định.

Thứ hai, Việt Nam có thể bước đầu nghiên cứu và đàm phán các điều khoản riêng quy định nghĩa vụ trực tiếp cho nhà đầu tư. Theo thứ tự tăng dần về tính ràng buộc và để đảm bảo tính chuyên tiếp, dễ chấp nhận với các nước đối tác, Việt Nam có thể áp dụng lần lượt các cách tiếp cận bao gồm: (i) khuyến khích nhà đầu tư thực hiện CSR; và (ii) yêu cầu nhà đầu tư tuân thủ những nghĩa vụ cụ thể.

Trong giai đoạn trước mắt, điều khoản khuyến khích thực hiện CSR nên được xem xét bổ sung trước tiên, như trong Hiệp định Hợp tác và Thuận lợi hóa Đầu tư Brazil - Ấn Độ (2015), Hiệp định Tạo thuận lợi và Hợp tác Đầu tư giữa Brazil và Malawi (2015), BIT giữa Ma rốc và Nigeria (2016), BIT giữa Argentina và Qatar (2016). Các điều khoản đã phân tích ở trên của Brazil hay Ấn Độ sẽ áp đặt nghĩa vụ cho nhà đầu tư phải nỗ lực thực hiện các tiêu chuẩn CSR. Mặc dù không yêu cầu về việc đạt được các tiêu chuẩn đó, nhà đầu tư có nghĩa vụ thực hiện những biện pháp cần thiết, các bước phù hợp để tiến tới đạt những tiêu chuẩn này. Một cách rõ ràng hơn, Việt Nam có thể chi tiết hóa nội dung của các tiêu chuẩn CSR trong lời văn hiệp định hoặc dẫn chiếu các bộ quy tắc ứng xử của nhà đầu tư nước ngoài được OECD, UN hay ILO xây dựng (OECD, 2011; UN, 2011; ILO, 2017).

Trong giai đoạn tiếp theo, Việt Nam có thể cân nhắc các điều khoản mang tính ràng buộc cao hơn trong hiệp định đầu tư quốc tế, yêu cầu nhà đầu tư phải tuân thủ những nghĩa vụ cụ thể, chẳng hạn như bảo vệ môi trường, bảo vệ quyền của người lao động, thực hiện các tiêu chuẩn, chuẩn mực kế toán, không tham gia vào các hành vi tham nhũng, hối lộ, như cách tiếp cận trong BIT giữa Ma rốc và Nigeria năm 2016. Các điều khoản hướng đến hành vi của nhà đầu tư, với lời văn có tính ràng buộc, sẽ có khả năng được thực thi trong cơ chế giải quyết tranh chấp thông qua việc trọng tài xem xét yêu cầu phản tố của nước tiếp nhận đầu tư, từ đó bác bỏ khiếu nại hoặc giảm tiền bồi thường mà nhà nước phải trả.

4.2. Thực thi các điều khoản về nghĩa vụ của nhà đầu tư

Quy định về nghĩa vụ của nhà đầu tư trong hiệp định đầu tư quốc tế chỉ có hiệu quả nếu như được đi kèm với cơ chế thực thi và các chế tài phù hợp. Liên quan đến cơ chế thực thi các điều khoản về nghĩa vụ của nhà đầu tư này, Việt Nam cần lưu tâm hai giải pháp bao gồm: (i) khiếu nại về thẩm quyền của trọng tài và (ii) áp dụng quyền phản tố trong giải quyết tranh chấp đầu tư. Chính phủ cần rà soát tính hợp pháp của khoản đầu tư để kịp thời đệ trình các phản đối thẩm quyền, yêu cầu trọng tài từ chối khiếu nại, hoặc giảm bớt tiền bồi thường vì nhà đầu tư có hành vi sai trái (UNCTAD, 2015, tr.110).

Thông qua phản đối thẩm quyền của trọng tài với khoản đầu tư vi phạm

Trong giải quyết tranh chấp đầu tư, Việt Nam cần lưu ý định nghĩa về khoản đầu tư trong hiệp định và cần nhắc phản đối thẩm quyền của trọng tài nếu khoản đầu tư được thiết lập qua một số hành vi vi phạm pháp luật nội địa như tham nhũng, hối lộ, lừa dối. Các khoản đầu tư như thế này sẽ không được bảo hộ, các hội đồng trọng tài có thể từ chối thẩm quyền giải quyết tranh chấp hoặc không chấp nhận khiếu nại (David Khachvani, 2021). Thực tiễn tranh chấp cho thấy chính phủ Việt Nam có thể tham khảo nhiều vụ việc phản đối thẩm quyền thành công do khoản đầu tư không tuân thủ pháp luật nội địa như: vụ việc *Inceysa v. El Salvador* trong đó nhà đầu tư giả mạo hồ sơ tài chính khi đấu thầu dự án (ICSID Case No. ARB/03/26); vụ việc *Fraport v. Philippines* trong đó nhà đầu tư ký thỏa thuận cổ đông bí mật để lách quy định về giới hạn sở hữu nước ngoài (ICSID Case No. ARB/03/25); hay vụ việc *Anderson v. Costa Rica*, trong đó nhà đầu tư góp vốn vào các trung gian tài chính hoạt động phi pháp (ICSID Additional Facility Case No. ARB (AF)/07/3).

Thông qua yêu cầu phản tố của nước tiếp nhận đầu tư

Việt Nam có thể yêu cầu hội đồng trọng tài xem xét vấn đề thực thi nghĩa vụ của nhà đầu tư trong các yêu cầu phản tố. Yêu cầu phản tố là khiếu nại ngược của quốc gia tiếp nhận đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài, thường xảy ra khi nhà đầu tư có những vi phạm pháp luật, gây thiệt hại cho nước sở tại. Yêu cầu này có thể được chấp nhận khi các quy tắc trọng tài cho phép, và đặc biệt khi trong IIA có các quy định về nghĩa vụ của nhà đầu tư. Điều 46 của Công ước về giải quyết tranh chấp đầu tư giữa quốc gia và công dân của quốc gia khác (ICSID) và Điều 21.3 của Quy tắc trọng tài của Ủy ban Liên Hợp Quốc về Luật Thương mại Quốc tế (UNCITRAL) năm 2010 cho phép nước tiếp nhận đầu tư đưa ra yêu cầu phản tố với nhà đầu tư nước ngoài trong khuôn khổ một tranh chấp đầu tư. Có hai yêu cầu chính để hội đồng trọng tài quyết định có xem xét một yêu cầu phản tố hay không là thỏa thuận của các bên về quyền phản tố và mối liên quan giữa yêu cầu phản tố với khiếu nại ban đầu. Một số hiệp định đầu tư thế hệ mới của Việt Nam cũng đã cho phép nhà nước đưa ra phản tố với nhà đầu tư như trong Điều 9.19.2 của CPTPP, theo đó: “Khi nguyên đơn trình khiếu kiện [...], bị đơn có thể kiện ngược nguyên đơn liên quan đến cơ sở thực tế và pháp lý của khiếu kiện hoặc dựa vào khiếu kiện để giảm trừ nghĩa vụ với nguyên đơn”.

Việt Nam có thể tham khảo kinh nghiệm, lập luận của các bên từ một số tranh chấp điển hình trong đó quyền phản tố của nhà nước được chấp nhận như tranh chấp *Urbaser v. Argentina* (ICSID Case No. ARB/07/26), *Perenco v. Ecuador* (ICSID Case No. ARB/08/6), hay *Burlington v. Ecuador* (ICSID Case No. ARB/08/5). ICSID Case No. ARB/08/5). Trong các vụ việc này, nhà đầu tư vi phạm gây thiệt hại về môi trường, hay vi phạm các nghĩa vụ bảo vệ quyền con người của cư dân bản địa đã bị nước tiếp nhận đầu tư phản tố và được hội đồng trọng tài chấp nhận thẩm quyền xem xét yêu cầu phản tố đó. Đáng chú ý trong hai tranh chấp mà Ecuador là bị đơn, hội đồng trọng tài áp dụng pháp luật bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của nước sở tại để yêu cầu nhà đầu tư bồi thường ngược trở lại cho nhà nước vì gây ô nhiễm môi trường (IISD, 2018). Với sự chấp nhận ngày càng tăng của các hội đồng trọng tài, yêu cầu phản tố nếu được xem xét sẽ là một phương thức để nhà nước khiếu kiện về hành vi vi phạm nhân quyền, gây ô nhiễm môi trường hay tham nhũng của nhà đầu tư. Đây là cách thức giúp các điều khoản về nghĩa vụ của nhà đầu tư, trong trường hợp được đưa vào khuôn khổ hiệp định, sẽ được thực thi trong cơ chế giải quyết tranh chấp trọng tài của hiệp định đó.

Tóm lại, tái cân bằng quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư là một trong những yêu cầu đặt ra và hướng đi mới với các hiệp định đầu tư quốc tế. Mặc dù các điều khoản về nghĩa vụ của nhà đầu tư mới ở giai đoạn đầu đưa vào các hiệp định và còn nhiều khó khăn trong thực thi, việc tái cân bằng quyền và nghĩa vụ này góp phần bảo vệ lợi ích công cộng của nước tiếp nhận đầu tư và mang lại giá trị bền vững cho các khoản đầu tư trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

1. Andrew Newcombe (2011), *General Exceptions in International Investment Agreements*, in Sustainable Development in World Investment Law, Kluwer Law International.
2. ICSID (2006), *Inceysa Vallisoletana S.L. v. Republic of El Salvador*, Case No. ARB/03/26, Award (2 August 2006).
3. ICSID (2007), *Fraport AG Frankfurt Airport Services Worldwide v. The Republic of the Philippines*, Case No. ARB/03/25, Award (16 August 2007).
4. ICSID Additional Facility (2010), *Alasdair Ross Anderson et al v. Republic of Costa Rica*, Case No. ARB (AF)/07/3, Award (19 May 2010).
5. ICSID (2013), *Metal-Tech Ltd. v. Republic of Uzbekistan*, Case No. ARB/10/3, Award (4 October 2013).
6. ICSID (2016), *Urbaser S.A. and Consorcio de Aguas Bilbao Bizkaia, Bilbao Biskaia Ur Partzuergoa v. The Argentine Republic*, Case No. ARB/07/26, Award (8 December 2016).
7. ICSID (2017), *Bear Creek Mining Corporation v. Republic of Peru*, Case No. ARB/14/21, Award (30 November 2017).
8. ICSID (2017), *Burlington Resources Inc. v. Republic of Ecuador*, Case No. ARB/08/5, Decision on Ecuador's Counterclaims (7 February 2017).
9. ICSID (2019), *Perenco Ecuador Ltd. v. Republic of Ecuador and Empresa Estatal Petróleos del Ecuador (Petroecuador)*, Case No. ARB/08/6, Award (27 September 2019).
10. Jorgenson, A. K., (2016), "The sociology of ecologically unequal exchange, foreign investment dependence and environmental load displacement: summary of the literature and implications for sustainability", *Journal of Political Ecology*, No. 23 (1).
11. Julien Chaisse, Ishikawa Tomoko, Jusoh Sufian (2017), *Asia's Changing International Investment Regime: Sustainability, Regionalization, and Arbitration*, Springer.
12. Kenneth J. Vandeveld (2005), "A Brief History of International Investment Agreements", *U.C. Davis Journal of International Law & Policy*, Vol. 12, No. 1.
13. M.Sornarajah (2017), *The International Law on Foreign Investment*, Cambridge University Press.
14. Makane Moise Mbengue, Stefanie Schacherer (2019), *Foreign Investment Under the Comprehensive Economic and Trade Agreement (CETA)*, Vol. 15, Studies in European Economic Law and Regulation, Springer International Publishing.
15. Nowrot K., Sipiowski E. (2020), "Stipulating Investors' Obligations in Investment Agreements as a Suitable Regulatory Approach to Prevent and Remedy Anti-Competitive Behaviour?", *European Yearbook of International Economic Law*, Springer.
16. Sattorova, M., (2019), "Investor Responsibilities from a Host State Perspective: Qualitative Data and Proposals for Treaty Reform", *American Journal of International Law, AJIL Unbound*, Vol. 113.
17. Sauvants Karl P., Sachs Lisa E. (2009), *The Effect of Treaties on Foreign Direct Investment: Bilateral Investment Treaties, Double Taxation Treaties, and Investment Flows*, Oxford University Press.

18. Tran Viet Dung, Ngo Nguyen Thao Vy (2017), “The Settlement Practice of Environmental Disputes Involving Foreign Investors in Vietnam - Two Sides of the FDI Coin”, *Asian Year Book of International Law*, Brill Nijhoff.
19. UNCITRAL Ad Hoc Tribunal (2009), *Glamis Gold, Ltd v. United States*, Award (8 June 2009).
20. David Khachvani (2021), *Legality of Investment*, <https://jsumundi.com/en/document/wiki/en-legality-of-investment>, truy cập ngày 16/12/2021.
21. European Parliament (2020), *Corporate social responsibility (CSR) and its implementation into EU Company law*, [https://www.europarl.europa.eu/RegData/etudes/STUD/2020/658541/IPOL_STU\(2020\)658541_EN.pdf](https://www.europarl.europa.eu/RegData/etudes/STUD/2020/658541/IPOL_STU(2020)658541_EN.pdf), truy cập ngày 16/12/2021.
22. IISD (2018), *Harnessing Investment for Sustainable Development: Inclusion of Investor Obligations and Corporate Accountability Provisions in Trade and Investment Agreements*, <https://www.iisd.org/system/files/meterial/harnessing-investment-sustainable-development.pdf>, truy cập ngày 16/12/2021.
23. IISD (2018), *Investment Treaty News: Burlington v. Ecuador*, <https://www.iisd.org/itn/en/2018/10/18/burlington-v-ecuador/>, truy cập ngày 16/12/2021.
24. IISD (2020), *Terminating a Bilateral Investment Treaty*, <https://www.iisd.org/system/files/publications/terminating-treaty-best-practices-en.pdf>, truy cập ngày 16/12/2021.
25. ILO (2017), *Tripartite Declaration of Principles concerning Multinational Enterprises and Social Policy*, https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---ed_emp/---emp_ent/---multi/documents/publication/wcms_094386.pdf, truy cập ngày 16/12/2021.
26. Laurence Dubin (2018), *Corporate Social Responsibility Clauses in Investment Treaties*, https://www.iisd.org/itn/en/2018/12/21/corporate-social-responsibility-clauses-in-investment-treaties-laurence-dubin/#_ftn2, truy cập ngày 16/12/2021.
27. M.J. Peterson (2009), *Case study: Bhopal Plant Disaster*, <https://scholarworks.umass.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=1004&context=edethicsinscience>, truy cập ngày 16/12/2021.
28. PTI (2020), *LG Polymers India Has Absolute Liability For Gas Leak, Says NGT*, *The Hindu*, <https://www.bloomberquint.com/business/lg-polymers-india-has-absolute-liability-for-gas-leak-says-ngt>, truy cập ngày 16/12/2021.
29. OECD (2020), *Business responsibilities and investment treaties*, <https://www.oecd.org/daf/inv/investment-policy/Consultation-Paper-on-business-responsibilities-and-investment-treaties.pdf>, truy cập ngày 16/12/2021.
30. OECD (2011), *Guidelines for Multinational Enterprises*, <https://www.oecd.org/corporate/mne/1922428.pdf>, truy cập ngày 16/12/2021.
31. UNCTAD (2015), *UNCTAD Investment Policy Framework for Sustainable Development*, https://unctad.org/system/files/official-document/diaepcb2015d5_en.pdf, truy cập ngày 16/12/2021.
32. UNCTAD (2021), <https://investmentpolicy.unctad.org/international-investment-agreements/countries/229/viet-nam>, truy cập ngày 16/12/2021.
33. UN (2011), *Guiding Principles on Business and Human Rights*, https://www.ohchr.org/documents/publications/guidingprinciplesbusinessshr_en.pdf, truy cập ngày 16/12/2021.
34. World Bank (2020), *Investment Policy And Regulatory Review - Vietnam*, <https://openknowledge.worldbank.org/bitstream/handle/10986/33598/Vietnam-2019-Investment-Policy-and-Regulatory-Review.pdf?sequence=1&isAllowed=y>, truy cập ngày 16/12/2021.